

Bản án số: 02/2019/HS-ST
Ngày 09 tháng 4 năm 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MUỜNG LAY, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Lịch.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lò Văn Hưng - Nguyên bí thư thị đoàn Mường Lay, tỉnh Điện Biên.
2. Ông: Điều Văn Sáng - Hội người cao tuổi phường Na Lay, thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.

Thư ký phiên tòa: Bà Cà Thị Phương- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:

Ông: Nguyễn Ngọc Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân thị xã Mường Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2019/HSST ngày 21 tháng 02 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: Khoảng Văn N;

Tên gọi khác: Không.

Sinh năm: 1981 tại thị xã M, tỉnh Điện Biên.

Nơi đăng ký HKTT: Bản L, xã V, thị xã M, tỉnh Điện Biên.

Tạm trú: Tổ 6, phường S, thị xã M, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Không.

Trình độ văn hóa: Không;

Dân tộc: Thái;

Giới tính: Nam;

Tôn giáo: không;

Tiền án: Không;

Quốc tịch: Việt Nam;

Tiền sự: Ngày 25/4/2017 Tòa án nhân dân thị xã M quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc 12 tháng.

Con ông: Khoảng Văn Đ - Đã chết;

Con bà: Lò Thị S - Sinh năm: 1962;

Vợ: Hoàng Thị L - Sinh năm: 1979;

Bị cáo có 01 người con 18 tuổi;

Gia đình bị cáo có 05 anh chị em. Bị cáo là con thứ 02 trong gia đình.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/11/2018 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Cháu Lò Thị Hải H - Sinh ngày: 12 tháng 7 năm 2003.

Nơi cư trú: Bản T, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. *(có mặt tại phiên tòa).*

- *Người làm chứng:* Cháu Lò Hải L - Sinh ngày: 01 tháng 01 năm 2008.

Nơi cư trú: Bản T, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. *(có mặt tại phiên tòa).*

- *Người đại diện của bị hại Lò Thị Hải H là người dưới 18 tuổi và Người làm chứng Lò Hải L là người dưới 18 tuổi:* Chị Lò Thị X - Sinh năm: 1995.

Nơi cư trú: Bản M, xã V, thị xã M, tỉnh Điện Biên.

(có mặt tại phiên tòa).

- *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lò Văn Q - Sinh năm: 1984.

Nơi cư trú: Bản L, xã V, thị xã M, tỉnh Điện Biên.

(có mặt tại phiên tòa).

2. Anh Đặng Duy T - Sinh năm: 1974.

Nơi cư trú: Bản L, xã V, thị xã M, tỉnh Điện Biên.

(vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin vắng mặt).

3. Chị Hoàng Thị Lai - Sinh năm: 1979.

Nơi cư trú: Tổ 6, phường S, thị xã M, tỉnh Điện Biên.

(có mặt tại phiên tòa).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Bà Trần Thị S - Sinh năm: 1984; là trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên.

(vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 24/11/2018 tại Km96 Quốc lộ 12 thuộc bản B, xã V, thị xã M, tỉnh Điện Biên. Lợi dụng sự mất cảnh giác của chủ sở hữu Khoảng Văn N đã dùng thủ đoạn nguy hiểm cướp giật tài sản của cháu Lò Thị Hải H. Đó

là chiếc túi xách của cháu H đang đeo trên người, bên trong có: 1.080.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37, 01 thẻ điện thoại mệnh giá 20.000đ và một số giấy tờ khác.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 219/TgT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của trung tâm pháp y tỉnh Điện Biên. Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do tai nạn giao thông gây nên cho Lò Thị Hải H là 9% (Chín phần trăm).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 661/KL-HĐĐGTS ngày 20/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã M kết luận:

- Giá trị tài sản tại thời điểm định giá: 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A37, màn hình cảm ứng bị vỡ. Giá trị thời điểm định giá là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn).

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 20/02/2019 của VKSND thị xã M đã truy tố Khoảng Văn N về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d, g khoản 2 Điều 171 của Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố luận tội và tranh tụng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội cướp giật tài sản. Đó đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Khoảng Văn N về tội: Cướp giật tài sản.

Đề nghị HĐXX áp dụng: điểm d, g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Khoảng Văn N với mức án từ 06 năm đến 07 năm tù.

Ngoài ra, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M còn đề nghị với hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo với người bị hại; xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, người bị hại cháu Lò Thị Hải H và người đại diện cho cháu Lò Thị Hải H là chị Lò Thị X (thím ruột của cháu) đề nghị HĐXX: áp dụng một hình phạt nghiêm khắc với bị cáo và yêu cầu bị cáo bồi thường cho cháu H với số tiền: 16.245.000đ (Mười sáu triệu hai trăm bốn mươi năm nghìn đồng).

Tại bản luận cứ bảo vệ, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà Trần Thị S cũng đã đề nghị với HĐXX áp dụng một hình phạt nghiêm khắc và buộc bị cáo phải bồi thường cho cháu H số tiền là: 16.245.000đ (Mười sáu triệu hai trăm bốn mươi năm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã M, tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại

phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người đại diện của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa bị cáo Khoảng Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung mà bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã M đã công bố. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ được cơ quan điều tra thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo, lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng, lời khai của những người liên quan cùng toàn bộ lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra.

Do đó có đủ căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Khoảng 12 giờ ngày 24/11/2018, Khoảng Văn N đi xe máy từ tổ 6, phường S đi theo hướng vào xã V, thị xã M với mục đích nếu có ai sơ hở trong quản lý tài sản thì chiếm đoạt. Khi đến khu vực bản B, xã L, Nhan thấy một người phụ nữ đi xe máy chở theo một bé trai phía trước cùng chiều. N vượt lên trước thì phát hiện người phụ nữ đó đang đeo 01 chiếc túi ở phía trước bụng. Thấy vậy, N nảy sinh ý định cướp giật chiếc túi đó. N đi đến khu vực H, xã V, lúc này ở đó không có người qua lại, N đi xe chậm lại. Khi người phụ nữ đó đi ngang với N, N bảo người đó dừng lại và hỏi đường. Khi thấy người đó đi chậm lại thì N giật chiếc túi xách đó rồi bỏ chạy. Khoảng Văn N đi qua cầu Tạo Sen sang đường tỉnh lộ 142 rồi đi qua cầu N – C đi lên quốc lộ 12. Khi đến bản H phường N, N dừng xe ở ven đường và đi vào trong một khe nước mở túi để kiểm tra tài sản thì thấy bên trong có: 1.080.000đ (Một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng); 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng màu trắng; 01 đăng ký xe máy; 01 giấy bảo hiểm xe máy và 01 thẻ nạp điện thoại mệnh giá 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng). N lấy số tiền đó đút vào túi quần của N và cho điện thoại cùng với giấy tờ vào trong túi xách dùng dây đeo cuộn lại rồi mang ra để ở chân cột báo hiệu giao thông ven đường. Sau đó N về nhà ở tổ 6, phường S, thị xã M cởi bỏ áo khoác, thay quần và mũ bảo hiểm với mục đích tránh bị phát hiện. Còn cháu Lò Thị Hải H do bị mất tài sản nên đã điều khiển xe máy đuổi theo dẫn đến bị ngã gây thương tích ở gối trái và phải nằm viện điều trị từ ngày 24 tháng 11 năm 2018 đến ngày 03 tháng 12 năm 2018 với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 09% (Chín phần trăm).

Khi có được số tiền cướp được, N đi xe máy đến cây xăng N mua xăng hết 30.000đ (Ba mươi nghìn đồng), mua một xi lanh ở hiệu thuốc 5.000đ (Năm nghìn đồng) rồi N đi xuống xã M, huyện M để tìm mua ma túy để sử dụng. Khi đến bản X, xã V thì gặp Lò Văn Q, N rủ Q đi cùng, Q đồng ý. Khi đến khu vực xã M, N mua 01 tép Heroine của một người không rõ lai lịch hết 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). N và Q đến khu vực bản C5, xã M chia đôi số Heroine và cả hai cùng sử dụng hết. Sau đó, N chở Q đến một quán ven đường mua một bao thuốc lá hết 10.000đ (Mười nghìn đồng), rồi chở Q đến bản X, xã V để Q về nhà. Sau đó, N mua một chai nước ngọt của anh Đặng Duy T ở bản L, xã V hết 10.000đ (Mười

ng nghìn đồng) và đi về. Khi đi đến khu vực N, phường N thì Khoảng Văn N bị Cơ quan công an thị xã M bắt giữ và thu giữ số tiền: 825.000đ (Tám trăm hai mươi năm nghìn đồng).

Như vậy, hành vi của bị cáo đi xe máy cướp giật lấy tài sản của người khác mà người bị hại là cháu Lò Thị Hải H sinh ngày: 12/7/2003 là người dưới 16 tuổi: Đó đó hành vi phạm tội của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Cướp giật tài sản theo quy định tại điểm d, g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Điểm d, g khoản 2 Điều 171 của Bộ Luật hình sự quy định:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

g) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ;”

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã M truy tố bị cáo: Khoảng Văn N về tội: Cướp giật tài sản theo quy định tại điểm d, g khoản 2 Điều 171 BLHS là hoàn toàn chính xác, đúng người đúng tội và có căn cứ pháp luật.

Trong hồ sơ vụ án còn thể hiện một số đối tượng liên quan như: Lò Văn Q đi cùng N để sử dụng ma túy nhưng Q không biết tiền N dùng để mua ma túy là tiền do N đi cướp giật được. Q cũng là đối tượng nghiện hút Cơ quan điều tra không đề cập để xử lý đối với Lò Văn Q nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

Đối với anh Đặng Duy T là người đã bán nước ngọt cho Khoảng Văn N, anh T không biết tiền đó do N cướp giật mà có, anh T đã tự nguyện nộp lại 10.000đ (Mười nghìn đồng) cho Cơ quan điều tra và không yêu cầu N bồi thường số tiền đó. Vì vậy, HĐXX cũng không đặt vấn đề để xem xét.

Đối với chiếc xe mô tô Honda BLADE biển kiểm soát: 27X1-019.30 Khoảng Văn N dùng làm phương tiện phạm tội là xe của chị Hoàng Thị L (Vợ Khoảng Văn N). Khi N sử dụng xe làm phương tiện phạm tội thì chị L không biết. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Hoàng Thị L. HĐXX xét thấy là phù hợp.

Xét tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy: Hành vi cướp giật tài sản của người dưới 16 tuổi của bị cáo Khoảng Văn N là rất nguy hiểm, nó trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng đến trật tự trị an và an toàn của xã hội trên địa bàn, gây hoang mang lo lắng và sự bất bình trong quần chúng nhân dân, làm cho người dân thiếu an tâm lao động sản xuất. Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng. Do đó việc áp dụng một hình phạt nghiêm đối với bị cáo là cần thiết, nhằm cải tạo giáo dục riêng và phòng ngừa chung tội phạm, nhằm giữ nguyên kỷ cương pháp luật của Nhà nước.

Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo :

- Bị cáo Khoảng Văn N tuy xuất thân từ gia đình sản xuất nông nghiệp, thành khẩn khai báo tội lỗi của mình trước cơ quan pháp luật, xong bị cáo là người có nhân thân xấu, nghiện ma túy đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc 12 tháng kể từ ngày 25/4/2017. Sau khi về địa phương bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện để từ bỏ con đường phạm tội. Nay lại tiếp tục phạm tội. Do đó cần phải áp dụng hình phạt có tời hạn, mới đủ điều kiện để cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử xem xét bị cáo được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại là cháu Lò Thị Hải H và người đại diện của người bị hại là chị Lò Thị X, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số tiền là 16.245.000đ (Mười sáu triệu hai trăm bốn mươi năm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo Khoảng Văn N đồng ý tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền mà người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đề nghị tổng số tiền là 16.245.000đ (Mười sáu triệu hai trăm bốn mươi năm nghìn đồng). Đây là yêu cầu bồi thường chính đáng của cháu Lò Thị Hải H đối với thiệt hại mà bị cáo đã gây ra về tài sản bị mất, tổn hại sức khỏe, chi phí hợp lý về việc cứu chữa, chăm sóc thương tích. Lời đề nghị này là hoàn toàn có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Do đó, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo cho bị hại là cháu: Lò Thị Hải H mà người đại diện của cháu Lò Thị Hải H là chị: Lò Thị X (thím ruột của cháu Hà).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS: Vật chứng của vụ án bao gồm: 01 Áo khoác màu nâu đã qua sử dụng, 01 quần bò đen đã qua sử dụng ở vị trí gối trái có vết thủng kích thước khoảng 01x01cm, 01 mũ bảo hiểm màu xanh, loại mũ nửa đầu có kính trắng trong đã qua sử dụng. Tất cả các vật chứng trên không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 812.250đ (Tám trăm mười hai nghìn hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm d, g khoản 2 Điều 171; điểm s, khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS;

[1]. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Khoảng Văn N phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

[2]. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Khoảng Văn N 07 (Bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 24/11/2018.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, Điều 585, Điều 589, Điều 590 Bộ luật Dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Khoảng Văn N, bị cáo tự nguyện bồi thường cho cháu Lò Thị Hải H (Người đại diện của cháu H là chị Lò Thị X), các khoản bồi thường bao gồm: Số tiền 245.000 đồng bị chiếm đoạt; giá trị một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 1000.000 đồng; tiền viện phí, tiền công chăm sóc và chi phí làm lại đăng ký xe máy, mua bảo hiểm xe máy là 15.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo tự nguyện bồi thường cho cháu Lò Thị Hải H là: 16.245.000 đồng (Mười sáu triệu hai trăm bốn mươi năm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác màu nâu đã qua sử dụng; 01 quần bò đen đã qua sử dụng ở vị trí gối trái có vết thủng kích thước khoảng 01x01cm; 01 mũ bảo hiểm màu xanh, loại mũ nửa đầu có kính trắng trong đã qua sử dụng.

Toàn bộ vật chứng vụ án hiện đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã M, tỉnh Điện Biên; theo biên bản bàn giao vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã M và Chi cục thi hành án dân sự thị xã M ngày 20/02/2019.

[5]. Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 812.250 đồng (Tám trăm mười hai nghìn hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[6]. Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 09 tháng 4 năm 2019.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Điện Biên;
- Phòng HCTP-STP tỉnh Điện Biên;
- Phòng PC81-CA tỉnh Điện Biên;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã M;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan THAHS- CA thị xã M;
- Đội điều tra CA thị xã M ;
- Chi cục THA dân sự thị xã M;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại;
- Người đại diện của bị hại;
- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã V, thị xã M;
- UBND phường S;
- Lưu hồ sơ THA hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lò Văn Lịch

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lò Văn Hưng

Điêu Văn Sáng

Lò Văn Lịch

